BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Số: 1624 /QĐ-ĐHNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v chi trợ cấp xã hội cho sinh viên HKI năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-ĐHNT, ngày 03/12/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang và Nghị quyết số 13/NQ-ĐHNT ngày 10/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Xét hồ sơ chính sách của sinh viên học kỳ I năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị và Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền trợ cấp xã hội HKI năm học 2025-2026 cho 149 sinh viên (có danh sách kèm theo), tổng số tiền là 149.000.000đ (Một trăm bốn mươi chín triệu đồng chẵn).

Điều 2. Trưởng phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, các trưởng đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách ghi ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.CTCTSV.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Quách Hoài Nam

Phụ lục

DANH SÁCH DỰ KIẾN TRỢ CẤP XÃ HỘI HKI NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số: 1624/QĐ-ĐHNT ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

ĐVT: VNĐ

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
	Khóa 63										
1	63135748	Bá Văn	Toản	10-07-2003	63.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
2	63132048	Trương Xuân	Hiệp	25-10-2003	63.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
3	63131991	Lượng Thị	Gim	09-01-2003	63.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
4	63134747	Quảng Thị Kim	Ngân	03-02-2003	63.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
5	63133197	Kiều Băng	Tâm	25-09-2003	63.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
	Khóa 64										
6	64133435	Lưu Thị Kim	Liên	30-06-2003	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
7	64130161	Thiên Thị Như	Bình	27-04-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
8	64131187	Trượng Nữ Khánh	Linh	02-09-2004	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
9	64132064	Thành	Sơn	05-05-2004	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
10	64132759	Miều Văn	Trung	22-05-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
11	64130750	Sư Thị Ngọc	Hoàng	24-11-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
12	64130687	Đàng Nữ Ngọc Xuân	Hoa	20-04-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
13	64133197	Trượng Thị Hồng	Ngân	26-07-2004	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
14	64131459	Từ Thị Kim	Ngân	20-05-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
15	64131324	Thuận Thị Kim	Môn	24-10-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
16	64131745	Bá Thùy	Ni	10-04-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
17	64130148	Hải Thị Thanh	Bình	26-01-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
18	64132096	Tài Duy	Tâm	19-08-2004	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
19	64130353	Nguyễn Kim	Dong	02-07-2004	64.KHHH-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
20	64133264	Nguyễn Thị Thu	Hạ	05-02-2004	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
21	64130231	Lộ Thành Mộng	Đài	01-04-2004	64.MARKT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
22	64132345	Hán Văn	Thu	10-01-2004	64.NTTS-MP	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
23	64132104	Trượng Nữ Linh	Tâm	22-05-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
24	64133209	Hán Thị Sông	Nin	17-04-2003	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
25	64133155	Kiều Thị Phương	Diệu	02-02-2004	64.QLSK-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
26	64131525	Trưởng Thị Kim	Ngọc	21-12-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
27	64132187	Lộ Báo Ngọc	Thành	09-08-2004	64.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
28	64133138	Châu Lâm	Anh	05-12-2004	64.QLSK-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
29	64131855	Báo Thành	Phước	10-05-2004	64.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
30	64132951	Hồ Thúy	Vi	03-08-2004	64.NNA-GD	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
31	64132136	Trần Thanh	Thân	24-10-2002	64.KHHH-2	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
32	64131243	Mai Thị Thu	Luyện	04-03-2004	64.KIT	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
33	64131248	Lê Thị Mỹ	Ly	07-02-2004	64.KT-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
34	64133064	Nguyễn Thị Tường	Vy	25-04-2004	64.KDTM-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
35	64130237	Trần Quang	Đại	16-06-1997	64.NTTS-MP	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
36	64130933	Võ Như	Huỳnh	17-08-2004	64.TCNH-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
37	64130654	Trần Thị	Hiệp	19-06-2004	64.KIT	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
38	64130141	Phan Thị Hồng	Bích	13-07-2004	64.NNA-SN	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
39	64131877	Nguyễn Thị Thanh	Phương	24-04-2004	64.MARKT-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
40	64131708	Nguyễn Quỳnh	Như	12-06-2004	64.KDTM-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
41	64130988	Nguyễn Thị Vân	Khánh	20-12-2004	64.KDTM-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
42	64132321	Hồ Thị Minh	Thoa	05-07-2004	64.CNHH	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
	Khóa 65										
43	65132520		Nhô	08-08-2005	65.CNOT-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
44	65132521		Nhơn	08-08-2005	65.CNOT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
45	65134378	Châu Thọ Khánh	Vy	19-05-2005	65.KHHH-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
46	65132790	Kiều Nữ Như	Phương	27-08-2005	65.TTQL-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
47	65130736	Ngư Thị Khánh	Hà	05-05-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
48	65130565	Y Ly	Dung	10-08-2005	65.QTKD-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
49	65130583	Vạn Thị Thu	Được	20-08-2004	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
50	65133029	Đạo Thị Kim	Sáng	13-01-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
51	65130724	Lượng Thị	Giàu	27-01-2005	65.KT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
52	65132350	Dương Thị Xuân	Nhã	07-04-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
53	65131641	Đồng Chế My	Lan	25-05-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
54	65130523	Nại Thị Mỹ	Du	19-07-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
55	65130481	Trượng Thị Hoàng	Diệu	12-09-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
56	65133010	Châu Hoàn Ny	Sa	03-04-2005	65.KT-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
57	65132615	Đạt Ngọc	Nữ	04-08-2004	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
58	65130364	Ngụy Nữ Ngọc	Dáng	19-05-2003	65.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
59	65131024	Bích Nhụy Mỹ	Hoa	01-08-2005	65.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
60	65134537	Đàng Thu	Sương	30-08-2004	65.CNSH	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
61	65132767	Đàng Hữu	Phước	13-03-2005	65.DDT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
62	65133816	Thiên Nữ Huyền	Trân	20-08-2005	65.QLTS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
63	65132856	Vạn Hồng	Quân	29-07-2004	65.CNXD-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
64	65134122	Quảng Chí	Tường	15-07-2003	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
65	65134065	Bá Anh	Tuấn	15-01-2005	65.NTTS-MP	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
66	65134284	Não Minh	Vĩ	06-02-2005	65.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
67	65134180	Bá Thị Mỹ	Út	21-01-2005	65.KT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
68	65134538	Phú Thị My	Uy	19-08-2004	65.KT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
69	65132290	Hán Thị Xuân	Nguyên	14-10-2005	65.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
70	65131250	Từ Nữ Ngọc	Hường	29-06-2005	65.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
71	65131255	Bình Thanh	Huy	07-08-2005	65.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
72	65131928	Tài Trung	Min	08-06-2005	65.CNOT-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
73	65130961	Quảng Thị Kim	Hiền	19-06-2004	65.CNTT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
74	65131679	Đạo Kho	Lin	25-05-2005	65.DDT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
75	65134536	Đồng Thị Ngọc	Báu	11-05-2004	65.QTKD-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
76	65132399	Từ Bá Trung	Nhân	28-03-2005	65.NTTS-KS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
77	65133842	Ngân Nữ Thùy	Trang	16-06-2005	65.QTKD-CLC	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
78	65134505	Thiều Xuân	Ý	30-05-2005	65.TTQL-2	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
79	65131247	Trần Thị Thu	Hương	10-05-2005	65.TCNH-1	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
80	65133141	Đào Duy	Tấn	07-12-2005	65.CNTT-1	Khuyết tật trên 41%	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
81	65132143	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02-09-2005	65.MARKT-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
82	65132213	Trương Công	Nghĩa	20-10-2005	65.TCNH-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
83	65132619	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	29-03-2005	65.TCNH-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
84	65132747	Nguyễn Vũ Hồng	Phúc	17-01-2005	65.NNA-3	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
85	65132176	Trần Thu	Ngân	27-08-2005	65.KIT	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
86	65130854	Lê Thị Thúy	Hằng	03-06-2005	65.TCNH-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
87	65134563	Huỳnh Phú	Dầu	20-05-2005	65.QTKD-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
88	65131234	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10-10-2005	65.CNTT-3	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
	Khóa 66										
89	66133770	Cao Thị Thu	Thủy	27-09-2006	66.QTDL-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
90	66133759	Chu Thị Thanh	Thúy	22-12-2006	66.CNTT-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
91	66130456	Mấu Gia	Đạt	17-03-2006	66.LKT	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
92	66130746	Cao Hoàng	Giang	09-09-2006	66.QLXD	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
93	66130335	Triệu Văn	Chính	22-09-2006	66.CNTT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
94	66130819	Phú Văn	Hải	10-09-2006	66.CNXD-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
95	66133924	Cao Bảo Ngọc Thủy	Trâm	02-06-2006	66.LUAT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
96	66131814	Nguyễn Thị Diệu	Linh	30-07-2006	66.KTPT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
97	66131575	Dương Bình Anh	Khoa	24-04-2006	66.DDT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
98	66130559	Lý Văn	Đoàn	09-01-2006	66.CNTT-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
99	66130570	Lưu Đức	Dư	10-03-2006	66.DDT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
100	66131706	Ma Seo	Kỳ	05-01-2006	66.CDT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
101	66131288	Nguyễn Thiên Quỳnh	Hương	14-04-2006	66.TCNH-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
102	66132723	Quảng Nữ Hồng	Phấn	03-12-2006	66.TCNH-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
103	66131968	Trưởng Thị Mỹ	Ly	15-10-2006	66.CNTP-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
104	66130521	Châu Thị Thanh	Đình	02-06-2006	66.TCNH-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
105	66133236	Sầm Thị Mai	Sương	26-12-2006	66.CNTT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
106	66131195	Cao Thị Mỹ	Huệ	05-05-2006	66.KT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
107	66132156	Cầm Cao Hà Bích	Ngân	02-11-2006	66.QTDL-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
108	66132154	Cao Thị Trúc	Ngai	11-06-2006	66.QTDL-CLC	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
109	66133769	Cao Thị Đông	Thùy	01-01-2006	66.KTE-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
110	66134113	Đàng Minh	Triết	15-10-2006	66.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
111	66133526	Thuận Ngọc Thanh	Thiên	03-10-2006	66.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
112	66132297	Từ Công	Nghiệp	25-05-2006	66.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
113	66130561	Mang Thị Thanh	Doanh	27-03-2006	66.KTPT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
114	66130132	Phạm Thị Kiều	Anh	11-12-2006	66.KDTM-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
115	66130386	Từ Công	Đại	26-01-2006	66.NTTS-CN	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
116	66134463	Kiều Nữ Sa	Vi	14-11-2005	66.NNA-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
117	66131198	Hàm Nữ Xuân	Huệ	26-08-2006	66.QTKS-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
118	66130542	Hoàng Công	Đoan	21-07-2006	66.MARKT-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
119	66133184	Thành Nữ Ny	Sa	30-06-2006	66.CNTP-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
120	66132037	Tài Nữ	Misa	11-04-2006	66.TCNH-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
121	66131604	Hà	Khôi	29-01-2006	66.KTE-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
122	66134354	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	01-11-2006	66.KT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
123	66131659	Lưu Chí	Kiệt	16-01-2005	66.KTCK-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
124	66133117	Đặng Hoài Diễm	Quỳnh	07-09-2006	66.KDTM-3	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
125	66132331	Tăng Thị Bích	Ngọc	18-07-2006	66.QTKD-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
126	66132228	Phan Thị Hồng	Ngân	05-09-2006	66.LKT	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
127	66133696	Trần Nguyễn Kim	Thư	09-08-2006	66.NTTS-KS	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
128	66130054	Đỗ Hoàng Nhật	Anh	07-11-2006	66.KIT	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
129	66133918	Trần Thiên Thanh	Trắc	08-11-2006	66.QTKS-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
130	66132770	Nguyễn Tuấn	Phi	29-12-2006	66.DDT-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
131	66133803	Quảng Thị Thanh	Thuyết	02-08-2005	66.KTE-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
132	66132313	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	17-11-2006	66.MARKT-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
133	66133806	Nguyễn Phạm Anh	Thy	20-08-2006	66.KDTM-2	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
134	66134450	Nguyễn Thúy	Vân	03-11-2006	66.KHHH-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
135	66132215	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	05-06-2006	66.TCNH-1	Hộ nghèo/CN 2025, HL khá/giỏi, RL tốt	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
136	66134429	Trần Sơn Lê	Uyên	24-05-2006	66.KTTS	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
137	66131331	Lê Công	Huy	06-03-2006	66.KTPT-2	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
	Khóa 67										

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 06 tháng (theo chế độ)	Mức HB TCXH 01 tháng (Trường hỗ trợ)	Mức HB TCXH 05 tháng (Trường hỗ trợ)	Tổng cộng
138	67132069	Nguyễn Thái Kim	Ngân	07-12-2006	67.LUAT-3	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
139	67133239	Nguyễn Hữu	Thọ	01-01-2007	67.QTKD-CLC	Mồ côi cha mẹ	100.000	600.000	80.000	400.000	1.000.000
140	67132890	Kră Jăn Bê	Ry	27-02-2007	67.QTKD-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
141	67134254	Từ Thị Thu	Đầy	14-09-2007	67.NTTS	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
142	67134382	Quảng Thị Mai	Uyên	26-05-2006	67.TCNH-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
143	67133878	Hoàng Vĩnh	Tường	11-06-2007	67.CKDL	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
144	67133182	Trượng Tấn	Thiên	01-04-2007	67.CNOT-1	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
145	67134432	Đàng Ngọc Phương	Minh	28-04-2006	67.NNA-3	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
146	67134433	Kiều Thiên Thụy	Miên	05-02-2006	67.TCNH-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
147	67133679	Tài Đại Thiên	Tri	27-06-2007	67.QTKD-CLCQT	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
148	67130194	Lưu Thị Cẩm	Băng	18-07-2007	67.KT-2	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
149	67133818	Hoàng Lý Chính	Tuân	29-09-2007	67.CBTS-MP	DTTS vùng cao	140.000	840.000	32.000	160.000	1.000.000
Tổng cộng:								**115.560.000**		**33.440.000**	**149.000.000**

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu đồng chẵn.

(Danh sách bao gồm 149 SV)

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Quách Hoài Nam

TRƯỞNG PHÒNG CTCT&SV

Đỗ Quốc Việt

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trần Thị Thùy Dương